ĐỌC RỘNG – CÔNG CỤ HỮU ÍCH GIÚP TIẾP THU NGỮ PHÁP NGÔN NGỮ THỨ HAI MỘT CÁCH TỰ NHIÊN

Cấn Thùy Linh
Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Anh, Trường ĐHNN - ĐHQGHN

Tóm tắt: *Theo truyền thống, ngữ pháp thường được dạy một cách rõ ràng và diễn dịch, dẫn đến việc học vẹt thay vì hình thành năng lực giao tiếp. Nghiên cứu này khám phá hiệu quả của việc đọc rộng (ER) như một công cụ ngầm hiểu và mạnh mẽ giúp tiếp thụ ngữ pháp ngôn ngữ thứ hai một cách tự nhiên. Đọc rộng nghĩa là đọc một lượng lớn văn bản do người học tự chọn, thường là những tài liệu dễ hiểu, nhằm mục đích giải trí và nắm bắt nội dung chung. Phương pháp này tạo cơ hội cho người học tiếp xúc lặp đi lặp lại với ngữ pháp trong nhiều bối cảnh đa dạng, từ đó có thể hiểu sâu hơn về cách ngữ pháp thực sự được sử dụng. Việc tiếp xúc nhiều lần với ngôn ngữ thực tế này giúp chuyển đổi nhận thức từ chỗ "biết về một quy tắc ngữ pháp" sang "tự động sử dụng quy tắc ngữ pháp". Hơn nữa, đọc rộng còn phát triển một "cảm giác" trực giác về cú pháp chính xác, đồng thời loại bỏ cảm giác lo lắng thường đi kèm với các bài tập ngữ pháp truyền thống. Thông qua việc tổng hợp các nghiên cứu hiện đại về Thụ đắc Ngôn ngữ Thứ hai, bài viết này lập luận rằng đọc rộng làm tái cấu trúc căn bản năng lực ngữ pháp của người học ngôn ngữ thứ hai. Do đó, hàm ý sư phạm ở đây là việc tích hợp các chương trình đọc rộng vào chương trình giảng dạy ngôn ngữ sẽ mang lại một lộ trình thiết yếu, lấy người học làm trung tâm để làm chủ ngữ pháp một cách trực quan và lâu dài, chứng minh rằng ngữ pháp được tiếp thu hiệu quả nhất khi được bắt gặp trong bối cảnh cụ thể.*

Từ khóa: *Đọc rộng, Tiếp thụ ngữ pháp, Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai*

EXTENSIVE READING – A POWERFUL TOOL FOR NATURAL SECOND-LANGUAGE GRAMMAR ACQUISITION

Abstract: *Traditionally, grammar is often taught in an explicit, deductive way, resulting in rote learning rather than communicative competence. This study explores the efficacy of extensive reading (ER) as a powerful, implicit tool for the natural acquisition of second-language grammar. ER means reading a large amount of self-selected texts, often easily comprehensible ones, for pleasure and general understanding. ER provides opportunities to repeatedly see grammar in diverse contexts, so learners can deepen their understanding of how grammar is really used. This iterative exposure to authentic language enables the cognitive transition from 'knowing about a grammar rule' to 'automatically using a grammar rule'. Moreover, ER develops an intuitive 'feel' for correct syntax while removing the anxiety associated with traditional grammar drills. Through synthesizing contemporary Second Language Acquisition studies, it is argued in this paper that ER fundamentally restructures a second language learner's grammar competence. Therefore, the pedagogical implication is that integrating ER programs into language curricula provides an essential, learner-centered pathway to intuitive and lasting grammatical mastery, demonstrating that grammar is most effectively acquired when it is encountered in context.*

Key words: *Extensive reading, Grammar acquisition, Second language acquisition*

Nhận bài: 15/06/2026 *Phản biện: 15/07/2026* *Duyệt đăng: 18/07/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương pháp giảng dạy ngữ pháp truyền thống thường phụ thuộc vào việc học vẹt một cách tách biệt. Phương pháp tiếp cận tường minh này thường thất bại trong việc đào tạo ra những người nói ngôn ngữ thứ hai (L2) lưu loát. Người học gặp nhiều khó khăn khi áp dụng các quy tắc trừu tượng vào giao tiếp thực tế. Nghiên cứu này giải quyết khoảng trống đó bằng cách khảo sát phương pháp Đọc Rộng (Extensive Reading - ER) như một giải pháp thay thế mạnh mẽ giúp thụ đắc ngữ pháp một cách tự nhiên và ngầm ẩn.

Đọc rộng giúp người học tiếp cận với một lượng lớn các văn bản dễ hiểu và tự chọn. Cách tiếp cận này dịch chuyển trọng tâm từ việc phân tích cấu trúc trang trọng sang ngữ cảnh có ý nghĩa. Theo Giả thuyết Đầu vào của Stephen Krashen, quá trình thụ đắc ngôn ngữ diễn ra khi người học hiểu được thông điệp. Thông qua đọc rộng, học sinh liên tục bắt gặp các cấu trúc ngữ pháp trong môi trường bản xứ thực tế. Sự tiếp xúc lặp đi lặp lại này cho phép não bộ tự động ghi nhận các mô hình ngôn ngữ một cách vô thức.

Mặc dù các nghiên cứu đã chứng minh đọc rộng giúp cải thiện từ vựng và tốc độ đọc, nhưng tác động cụ thể của nó đối với ngữ pháp vẫn cần được khám phá sâu hơn. Nhiều nhà giáo dục vẫn ưu tiên các bài tập ngữ pháp tường minh vì lo ngại rằng việc đọc đơn thuần không thể dạy các cấu trúc cú pháp phức tạp. Nghiên cứu này nhằm mục đích chứng minh rằng đọc rộng cung cấp đủ các gợi ý ngữ cảnh để nội hóa ngữ pháp một cách tự nhiên. Bằng cách thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn lớp học, nghiên cứu này sẽ cung cấp cho giáo viên các chiến lược khả thi để

thúc đẩy năng lực ngữ pháp mang tính trực giác, từ đó giảm bớt lo âu cho người học và nâng cao sự lưu loát ngôn ngữ thứ hai về lâu dài.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan tài liệu

Cơ chế cốt lõi của quá trình thụ đắc ngữ pháp ngôn ngữ thứ hai (L2) từ lâu đã là một chủ đề tranh luận trong ngành ngôn ngữ học ứng dụng. Các mô hình sư phạm truyền thống phụ thuộc nặng nề vào việc giảng dạy tường minh và tập trung vào hình thái cấu trúc. Tuy nhiên, nghiên cứu đương đại ngày càng làm nổi bật những hạn chế của việc luyện tập cơ học trong việc thúc đẩy năng lực giao tiếp thực tế (Ellis, 2015).

Để giải thích cách thức phát triển sự lưu loát thực sự, các nhà nghiên cứu thường viện dẫn Giả thuyết Đầu vào của Krashen (1985). Krashen định đề rằng thụ đắc ngôn ngữ là một quá trình ngầm ẩn và vô thức. Quá trình này diễn ra chủ yếu khi người học tiếp cận với "đầu vào dễ hiểu" — những thông điệp cao hơn một chút so với mức năng lực hiện tại của họ, được đóng khung khái niệm là i+1.

Trong khung lý thuyết này, Đọc rộng (Extensive Reading - ER) đóng vai trò là một phương tiện sư phạm lý tưởng. Đọc rộng bao gồm việc đọc một lượng lớn các văn bản dễ tiếp cận, tự chọn nhằm mục đích giải trí và hiểu nghĩa tổng quát (Day & Bamford, 1998). Cách tiếp cận này tương phản với đọc kỹ (intensive reading), vốn ưu tiên việc phân tích ngôn ngữ tỉ mỉ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Theo Day và Bamford (2002), một chương trình Đọc rộng thành công đòi hỏi các văn bản phải nằm trong "vùng an toàn" của người học. Lý tưởng nhất, điều này có nghĩa là người học bắt đầu không gặp quá một đến hai từ mới trên mỗi trang. Việc giữ cho yêu cầu về từ vựng ở mức thấp sẽ giải phóng các nguồn lực nhận thức. Người học từ đó có thể chuyển đổi từ nhận diện từ vựng cơ bản sang xử lý cú pháp ở cấp độ cao hơn (Nation, 2015).

2.1.1. Học ngẫu nhiên và Bản đồ cú pháp

Luận điểm cốt lõi coi Đọc rộng như một công cụ ngữ pháp dựa trên Giả thuyết Học ngẫu nhiên (Laufer & Hulstijn, 2001). Lý thuyết này chỉ ra rằng các đặc điểm ngôn ngữ được thụ đắc một cách tự nhiên trong khi sự tập trung chủ yếu của người đọc vẫn dành cho việc giải trí hoặc nắm bắt ý nghĩa văn bản.

Trong khi các nghiên cứu thực chứng trước đây tập trung mạnh mẽ vào khả năng thúc đẩy mở rộng từ vựng của đọc rộng, giới học giả gần đây đã xem xét kỹ lưỡng hơn các lợi ích cấu trúc của nó. Việc tiếp xúc liên tục với các câu chuẩn chỉnh cung cấp nhiều cơ hội để trải nghiệm cách ngữ pháp vận hành trong ngữ cảnh.

Khi người học ngôn ngữ thứ hai liên tục bắt gặp các cấu trúc ngữ pháp cụ thể qua nhiều văn bản khác nhau, não bộ của họ sẽ tự động theo vết các mô hình ngôn ngữ này một cách ngầm ẩn (Ellis, 2002). Theo thời gian, sự tiếp xúc lặp đi lặp lại này củng cố các biểu hiện tư duy về cấu trúc ngôn ngữ mục tiêu. Nó cho phép người đọc xây dựng một "cảm giác" trực giác về cú pháp chính xác mà không cần phải ghi nhớ các quy tắc mang tính áp đặt.

2.1.2. Các góc nhìn thực chứng về Đọc rộng và Ngữ pháp ngôn ngữ thứ hai

Các khảo sát thực chứng về mối quan hệ trực tiếp giữa đọc rộng và sự phát triển ngữ pháp mang lại những kết quả hỗn hợp nhưng đầy triển vọng. Nhiều nghiên cứu dọc xác nhận rằng đầu vào sâu rộng cải thiện kiểm soát cú pháp một cách tự nhiên.

Ví dụ, các thí nghiệm nền tảng "Book Flood" (Bùng nổ sách) của Elley (1991) đã chứng minh rằng việc đọc tự chọn thường xuyên vượt trội đáng kể so với phương pháp luyện tập nghe-nói truyền thống trong việc nâng cao năng lực cấu trúc. Các can thiệp lớp học gần đây hơn khẳng định rằng Đọc rộng tăng cường kiến thức ngữ pháp ngầm ẩn hiệu quả hơn nhiều so với việc giảng dạy truyền thống dựa trên phiếu bài tập (Suk, 2017).

Ngược lại, một số nhà nghiên cứu kêu gọi sự thận trọng đối với những kỳ vọng ngắn hạn. Người học ngôn ngữ thứ hai trưởng thành thường đạt được những tiến bộ nhanh chóng về từ vựng và tốc độ đọc chung thông qua Đọc rộng, nhưng các cải thiện về cấu trúc và ngữ pháp thường mất nhiều thời gian hơn để có thể đo lường được (Natsume, 2020).

Hơn nữa, các học giả như Schmidt (1990) nhấn mạnh rằng việc đọc hoàn toàn ngẫu nhiên đôi khi có thể dẫn đến quá trình thụ đắc không hoàn thiện nếu người học bỏ qua hoàn toàn hình thái cấu trúc. Vì lý do này, một số nhà nghiên cứu đề xuất kết hợp đọc rộng thường xuyên với các kỹ thuật "nâng cao đầu vào" tinh tế (Han và cộng sự, 2008). Việc làm nổi bật các cấu trúc mục tiêu cụ thể hoặc lồng ghép các bài tập đầu ra không thường xuyên có thể giúp thu hút sự chú ý của người học vào các dạng ngữ pháp phức tạp mà không làm gián đoạn mạch đọc.

Các tài liệu hiện có xác lập rõ ràng đọc rộng là một chiến lược không thể thiếu để mở rộng từ vựng và tăng độ lưu loát khi đọc. Tuy nhiên, khả năng thúc đẩy độc lập quá trình thụ đắc ngữ pháp ngôn ngữ thứ hai phức tạp của nó đòi hỏi phải có đánh giá thực chứng sâu sắc hơn. Nhiều nghiên cứu hiện tại tiếp tục đo lường kiến thức ngữ pháp tường minh thông qua các bài kiểm tra truyền thống, vốn thường thất bại trong việc nắm bắt chiều sâu thực sự của năng lực ngữ pháp ngầm ẩn, trực giác của người học (Norris & Ortega, 2000).

Thêm vào đó, vẫn tồn tại một sự đứt gãy sư phạm rõ rệt trong nhiều lớp học ngoại ngữ hiện đại. Bất chấp sự hỗ trợ lý thuyết mạnh mẽ cho việc học dựa trên đầu vào, nhiều nhà giáo dục vẫn phụ thuộc nặng nề vào các phiếu bài tập tường minh do lo sợ rằng việc đọc đơn thuần không thể dạy được cú pháp.

Nghiên cứu này nhằm mục đích thu hẹp chính khoảng trống đó. Bằng cách khảo sát tác động dài hạn của một chương trình đọc rộng đối với việc nội hóa ngữ pháp ngầm ẩn, nghiên cứu này tìm cách chứng minh việc đọc là một công cụ cốt lõi cho quá trình thụ đắc cú pháp tự nhiên.

2.2. Lợi ích của đọc rộng đối với quá trình thụ đắc ngữ pháp ngôn ngữ thứ hai

Trong lĩnh vực thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (SLA), phương pháp dạy ngữ pháp truyền thống thông qua việc giải thích quy tắc tường minh (explicit instruction) và làm bài tập cơ học thường bộc lộ nhiều hạn chế. Người học dễ rơi vào tình trạng thuộc lòng lý thuyết nhưng lại lúng túng khi giao tiếp thực tế. Để khắc phục điều này, đọc rộng – hình thức đọc một lượng lớn văn bản dễ hiểu vì mục đích giải trí và nắm bắt nội dung chung – được chứng minh là một công cụ ngầm hiểu hiệu quả, giúp thúc đẩy quá trình thụ đắc ngữ pháp một cách tự nhiên.

2.2.1. Tiếp xúc lặp đi lặp lại trong bối cảnh thực tế

Đọc rộng cung cấp cho người học nguồn tư liệu đầu vào vô cùng phong phú (comprehensible input). Khi người học đọc các tài liệu yêu thích một cách liên tục, họ sẽ bắt gặp các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại trong nhiều bối cảnh đa dạng (Rodrigo et al., 2004). Việc tiếp xúc thường xuyên này giúp não bộ tự động ghi nhận cách các thì, liên từ hay cấu trúc cú pháp vận hành để truyền tải ý nghĩa, giúp người học phát triển năng lực ngôn ngữ một cách toàn diện hơn so với việc chỉ phân tích các câu đơn lẻ trong lớp học.

2.2.2. Thúc đẩy quá trình tự động hóa cấu trúc

Một trong những lợi ích cốt lõi của đọc rộng là chuyển đổi nhận thức từ "biết về quy tắc ngữ pháp" sang "tự động sử dụng quy tắc". Theo lý thuyết hấp thụ ngôn ngữ nổi tiếng của Krashen (1982), ngôn ngữ được tiếp thu tốt nhất khi người học tập trung vào ý nghĩa của thông điệp thay vì hình thái của từ ngữ. Quá trình đọc liên tục buộc não bộ xử lý thông tin nhanh hơn, hình thành nên một cơ chế ngầm định, giúp người học sử dụng ngữ pháp như một phản xạ tự nhiên mà không cần mất thời gian dịch từ tiếng mẹ đẻ hay tra cứu quy tắc trong tư duy.

2.2.3. Phát triển trực giác ngôn ngữ và giảm lo âu

Đọc rộng giúp hình thành "cảm giác ngôn ngữ" (language intuition), cho phép người học nhận biết một cấu trúc là đúng hay sai dựa trên cảm giác trực quan (Aka, 2018). Bên cạnh lợi ích nhận thức, phương pháp này còn mang lại giá trị tâm lý lớn. Do được tự chọn tài liệu phù hợp với trình độ, người học được trải nghiệm môi trường hấp thụ áp lực thấp (low-stress environment), loại bỏ hoàn toàn sự căng thẳng từ các bài kiểm tra hay nỗi sợ sai lỗi chính tả (Elley, 1991). Tâm lý thoải mái này là điều kiện lý tưởng để tối ưu hóa bộ lọc tình cảm, giúp bộ não mở rộng khả năng tiếp nhận kiến thức.

Tóm lại, đọc rộng không chỉ là phương pháp giải trí mà còn là nền tảng sư phạm vững chắc để tái cấu trúc năng lực ngữ pháp của người học ngôn ngữ thứ hai. Việc tích hợp các chương trình đọc rộng vào chương trình giảng dạy chính khóa là giải pháp thiết yếu để xây dựng một lộ trình học tập bền vững, lấy người học làm trung tâm, nơi ngữ pháp được làm chủ một cách trực quan và lâu dài thông qua chính bối cảnh sống động của ngôn ngữ.

2.3.Tích hợp đọc rộng vào chương trình giảng dạy Tiếng Anh để tăng cường thụ đắc ngữ pháp

Để tích hợp đọc rộng (ER) vào chương trình dạy-học Tiếng Anh giúp tăng cường thụ đắc ngữ pháp tự nhiên, giáo viên và nhà quản lý có thể áp dụng quy trình 3 bước cốt lõi sau:

Bước 1. Thiết lập nguồn học liệu và thời gian cố định

Lựa chọn sách: Cung cấp hệ thống truyện đọc phân bậc (Graded Readers) với nguyên tắc "i-1" (từ vựng và ngữ pháp dễ hơn trình độ hiện tại một chút). Điều này giúp người học tập trung vào dòng chảy nội dung để não bộ tự động ghi nhận cấu trúc ngữ pháp mà không cần tra từ điển.

Thời gian biểu: Dành 10–15 phút đầu hoặc cuối mỗi buổi học cho hoạt động "Đọc im lặng liên tục" (Sustained Silent Reading - SSR) để tạo thói quen.

Bước 2. Thiết kế hoạt động kiểm tra áp lực thấp

Không làm bài tập ngữ pháp: Tuyệt đối không yêu cầu học sinh phân tích cấu trúc, chia thì hay dịch nghĩa câu văn sau khi đọc nhằm tránh gây áp lực.

Hoạt động tương tác nhẹ nhàng: Khuyến khích học sinh viết nhật ký đọc sách ngắn (Reading Log), vẽ sơ đồ tư duy về nhân vật, hoặc thảo luận nhóm 3 phút về tình tiết yêu thích. Các hoạt động này thúc đẩy học sinh sử dụng lại các cấu trúc ngữ pháp vừa "bắt gặp" trong sách một cách vô thức.

Bước 3. Đánh giá dựa trên sự tiến bộ và số lượng

Thay vì chấm điểm đúng/sai về ngữ pháp, giáo viên nên đánh giá dựa trên số lượng trang sách hoặc số đầu sách học sinh đã hoàn thành.

Sự tiến bộ về ngữ pháp sẽ được kiểm tra một cách gián tiếp thông qua các bài viết luận hoặc nói tự do, nơi trực giác ngôn ngữ phát huy tác dụng.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này một lần nữa khẳng định đọc rộng (ER) là một công cụ ngầm hiểu mạnh mẽ và cốt lõi, giúp tái cấu trúc căn bản năng lực ngữ pháp của người học ngôn ngữ thứ hai. Thay vì gò bó trong các quy tắc diễn dịch khô khan của phương pháp truyền thống, đọc rộng mở ra một lộ trình tiếp cận tự nhiên thông qua việc tiếp xúc liên tục với nguồn đầu vào hiểu được (comprehensible input). Quá trình này không chỉ thúc đẩy sự chuyển đổi nhận thức từ "biết quy tắc" sang "sử dụng tự động", mà còn giúp hình thành trực giác ngôn ngữ vững chắc trong một môi trường học tập ít áp lực (Krashen, 1982; Nation, 2015). Do đó, hàm ý sư phạm cấp thiết đặt ra là các nhà quản lý và giáo viên cần chủ động tích hợp các chương trình đọc rộng vào chương trình giảng dạy chính khóa. Việc lựa chọn tài liệu phân bậc phù hợp và duy trì thói quen đọc sách hàng ngày chính là chìa khóa vàng giúp người học làm chủ ngữ pháp một cách trực quan, sâu sắc và bền vững, minh chứng cho luận điểm: ngữ pháp được tiếp thu hiệu quả nhất khi được trải nghiệm sống động trong chính bối cảnh của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Day, R. R., & Bamford, J. (1998). Extensive reading in the second language classroom. Cambridge University Press.

Day, R. R., & Bamford, J. (2002). Top ten principles for teaching extensive reading. Reading in a Foreign Language, 14(2), 136–141.

Elley, W. B. (1991). Acquiring literacy in a second language: The effect of book-floods. Language Learning, 41(3), 375–411. doi.org

Ellis, N. C. (2002). Frequency effects in language processing: A review with implications for theories of implicit and explicit language acquisition. Studies in Second Language Acquisition, 24(2), 143–188. doi.org

Ellis, R. (2015). Understanding second language acquisition (2nd ed.). Oxford University Press.

Han, Z., Park, E. S., & Combs, C. (2008). Textual enhancement of input: Issues and possibilities. Applied Linguistics, 29(4), 597–618. doi.org

Krashen, S. (1985). The input hypothesis: Issues and implications. Laredo Publishing Company.

Laufer, B., & Hulstijn, J. (2001). Incidental vocabulary acquisition in a second language: The construct of task-induced involvement. Applied Linguistics, 22(1), 1–26. doi.org

Nation, I. S. P. (2015). What do you need to know to learn a foreign language? Victoria University of Wellington.

Natsume, M. (2020). The long-term effects of extensive reading on L2 grammar development. The Reading Matrix: An International Online Journal, 20(1), 45–58.

Norris, J. M., & Ortega, L. (2000). Effectiveness of L2 instruction: A research synthesis and quantitative meta-analysis. Language Learning, 50(3), 417–528. doi.org

Schmidt, R. W. (1990). The role of consciousness in second language learning. Applied Linguistics, 11(2), 129–158. doi.org

Suk, N. (2017). The effects of extensive reading on reading comprehension, reading rate, and vocabulary acquisition. Reading Research Quarterly, 52(1), 73–89. doi.org